

Bản án số: 155/2022/KDTM -PT

Ngày: 8/09/2022

*V/v: Tranh chấp hợp đồng tư vấn đầu
tư dự án*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thúy Linh.

Các Thẩm phán: Bà Nguyễn Thị Thuý Hạnh

Bà Ngô Tuyết Băng

- Thư ký phiên tòa: Bà Đỗ Thị Hạnh là Thẩm tra viên Tòa án nhân dân Thành phố Hà Nội

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hà Nội tham gia phiên tòa:
Ông Trần Chí Thành - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 5 và 8/9/2022 tại Trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Hà Nội xét xử phúc thẩm công khai vụ án Kinh doanh thương mại thụ lý số: 22/2022/TLPT-KDTM ngày 08 tháng 03 năm 2022 về tranh chấp hợp đồng tư vấn đầu tư dự án do bản án Kinh doanh thương mại sơ thẩm số 20/2021/KDTM-ST ngày 16 tháng 11 năm 2021 của Tòa án nhân dân quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội bị kháng cáo theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 196/2022/QĐ-PT ngày 26 tháng 05 năm 2021 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Trường Cao đẳng V.N;

Địa chỉ: Lô E6 - Khu Công nghiệp Q, phường V, thành phố Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh;

Người đại diện theo pháp luật: ông Nguyễn Đ.Đ – Chức vụ: Chủ tịch Hội đồng Quản trị; có mặt.

Nơi ở: 55 phố M, phường N, quận H, Hà Nội.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Ông Nguyễn Đ.P – Luật sư Văn phòng luật sư Đ.P và cộng sự - Đoàn luật sư thành phố Hà Nội; có mặt.

Bị đơn: Công ty cổ phần A.L

Trụ sở: số 22 ngách 150 ngõ X, phường N, quận Đống Đa, Hà Nội

Người đại diện theo pháp luật: Ông Trần D.S - Giám đốc; vắng mặt.

Nơi ở: Số 22 ngách 150 ngõ X, phường N, quận Đ, Hà Nội.

Người đại diện theo uỷ quyền: Ông Nguyễn T.D, sinh năm 1974; địa chỉ: 190 T, phường M, quận H, Hà Nội; có mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn: Ông Phạm T.A – Luật sư Văn phòng luật sư Tri Đức - Đoàn luật sư thành phố Hà Nội; có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

1. Theo đơn khởi kiện, các lời khai tại Tòa án, Trường Cao đẳng NN do ông Nguyễn Đ.Đ đại diện theo pháp luật trình bày:

Năm 2012, Trường Cao đẳng V.N (gọi tắt là Trường cao đẳng) có nhu cầu thành lập cơ sở 2 tại Hà Nội. Qua người quen là nhân viên của Công ty cổ phần A.L (gọi tắt là Công ty A.L) giới thiệu chúng tôi được biết Công ty A.L đang sử dụng diện tích 03 ha (30.000m²) tại Ô đất C13 phường T, quận H, Hà Nội. Nguồn gốc ô đất là Hợp tác xã V.T được UBND phường T giao đất cho Hợp tác xã V.T (gọi tắt là HTX) khai thác làm VAC. HTX giao cho người tên M (tôi không biết địa chỉ, họ tên) khai thác. Ông M bán lại quyền thuê đất cho Công ty A.L.

Khoảng tháng 3/2012, ông Trần D.S (đại diện theo pháp luật của Công ty A.L) đến gặp tôi để giao dịch lập dự án xây dựng cơ sở 2 của Trường cao đẳng. Khi đến gặp, ông D.S không đưa giấy tờ gì về đất đai mà dẫn tôi đến khu vực Đ, phường T và nói đất là của Công ty A.L, nếu tôi đồng ý ký hợp đồng thực hiện dự án xây dựng trường với Công ty A.L, Công ty A.L sẽ chuyển nhượng cho Trường cao đẳng 10.000 m². Ông D.S cam kết với tôi tính hợp pháp của diện tích đất và cam kết thực làm mọi thủ tục tư vấn, xin phép xây dựng dự án.

Do thiếu thông tin và tin vào lời hứa của ông D.S, tôi đã đại diện cho Trường cao đẳng ký kết Hợp đồng tư vấn số 01/2012/HĐTV ngày 27/4/2012 về việc tư vấn đầu tư dự án với Công ty A.L.

Nội dung hợp đồng tư vấn: Trường cao đẳng giao cho Công ty A.L tư vấn giới thiệu địa điểm, làm các thủ tục xin phép được đầu tư xây dựng dự án: Văn phòng làm việc; Trung tâm đào tạo và hợp tác quốc tế với diện tích khoảng 2,4 ha, thời hạn thực hiện dự án 50 năm. Trong đó bên Trường cao đẳng thuê và sử dụng diện tích 10.000m² tại vị trí góc mặt đường Lĩnh Nam và đường cao tốc Hà Nội đi Bắc Ninh,

Công ty A.L thay mặt cho Trường Cao đẳng: xin thủ tục giới thiệu địa điểm đo vẽ thửa đất tại phường T quận H, xin các thủ tục văn bản của các cấp, ngành, các sở để trình UBND thành phố Hà nội chấp thuận chủ trương cho phép Trường cao đẳng được đầu tư xây dựng tại vị trí ô đất, Công ty A.L thay mặt cho Trường cao đẳng thương lượng, bồi thường, đền bù giải phóng mặt bằng hoặc nhận chuyển quyền sử dụng đất và tài sản có trên đất của các hộ dân đang sử dụng đất tại vị trí ô đất khi có quyết định thu hồi của cơ quan có thẩm quyền phê duyệt để Trường cao đẳng thực hiện dự án; Thay mặt cho Trường cao đẳng tham gia các cuộc họp của các cơ quan có thẩm quyền giải quyết công việc liên quan đến các thủ tục đầu tư của dự án (là đại diện của chủ đầu tư); chịu trách nhiệm hoàn thiện hồ sơ pháp lý, hồ sơ thiết kế theo đúng quy trình; Hoàn chỉnh Hợp đồng thuê đất 50 năm do Trường cao đẳng đứng tên với Sở tài nguyên và

môi trường Hà Nội; Hoàn chỉnh Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do UBND thành phố Hà Nội cấp cho Trường cao đẳng.

Đơn giá giao khoán: 3.000.000đ/m². Đơn giá đã bao gồm các chi phí: xin thủ tục qua các cấp để thực hiện đầu tư dự án; đền bù giải phóng mặt bằng....

Phương thức thanh toán tạm ứng (Điều 3): Lần 1: Bên A (Trường cao đẳng) chuyển cho bên B (Công ty A.L) số tiền 10 tỷ đồng để cùng với bên B thuê lại toàn bộ diện tích của lô đất. Đồng thời bên B giao lại cho bên A hợp đồng bên A ký với HTX Việt Trung, có chứng thực xác nhận của UBND phường T để bên A tiếp nhận quản lý diện tích khu đất, kèm theo biên bản bàn giao khu đất. Thời gian thực hiện công việc này chậm nhất không quá 45 ngày làm việc kể từ khi bên A tạm ứng tiền cho bên B.

Lần 2: Bên A chuyển cho bên B số tiền 10 tỷ đồng ngay sau khi bên B hoàn thiện hồ sơ và có quyết định phê duyệt chủ trương thực hiện dự án nói trên của UBND thành phố Hà Nội.

Lần 3 : Bên A chuyển cho bên B số tiền 05tỷ đồng ngay sau khi bên A nhận được quyết định thu hồi đất và giao đất của UBND thành phố Hà Nội cho bên A.

Lần 4: Bên A chuyển cho bên B số tiền còn lại là 05 tỷ đồng ngay sau khi bên B hoàn thiện các thủ tục pháp lý còn lại của dự án cho bên A.

Thời gian và tiến độ thực hiện các bước công việc: Bên B tiến hành thực hiện các bước công việc ngay sau khi Hợp đồng có hiệu lực, cụ thể các bước: Giới thiệu địa điểm, đo vẽ ô đất và xác định của UBND phường T (thời gian thực hiện 15 ngày làm việc); Công văn chấp thuận của UBND quận H (40 ngày làm việc); Tiến hành các thủ tục liên quan với Sở quy hoạch kiến trúc Hà nội (30 ngày làm việc).

Thực hiện hợp đồng: Cùng ngày ký hợp đồng, Trường cao đẳng đã chuyển cho Công ty A.L số tiền 10 tỷ đồng theo thỏa thuận, nhưng ông D.S không hề đưa cho tôi bất kỳ giấy tờ pháp lý nào về khu đất thực hiện dự án như đã thỏa thuận.

Sau thời gian 01 tháng, do không thấy Công ty A.L thực hiện hợp đồng, nghĩ rằng bị ông D.S lừa, chúng tôi đã làm văn bản gửi Sở quy hoạch kiến trúc Hà Nội để hỏi thông tin quy hoạch khu đất Công ty A.L giới thiệu cho chúng tôi.

Tại Công văn số 2756/AHKT-P2 ngày 18/9/2012, Sở quy hoạch kiến trúc Hà Nội đã trả lời Trường cao đẳng với nội dung: khu đất mà ông D.S cam kết với chúng tôi lập dự án đã có quy hoạch.

Cụ thể vị trí khu đất thuộc các ô quy hoạch ký hiệu C13/CN3, C13/CX1 và C13/KT1 phường T, quận H. Theo quy hoạch chi tiết quận H tỷ lệ 1/2000 được UBNDTP Hà Nội phê duyệt như sau:

- C13/CN3 Sở Quy hoạch kiến trúc đã chấp thuận cho **Công ty CP tư vấn đầu tư xây dựng T.H** lập dự án đầu tư xây dựng công trình Văn phòng giao dịch và giới thiệu sản phẩm và **Công ty CP đầu tư và xây dựng đô thị H.N** lập dự án đầu tư xây dựng công trình Trụ sở làm việc, kho bãi nhà xưởng.

- C13/CX1 có chức năng đất cây xanh đơn vị ở

- C13/KT1 có chức năng đất kỹ thuật đầu mối.

Ô đất trường cao đẳng đề xuất là trùng lặp với các dự án đã giải quyết ở trên.

Sau khi có trả lời của Sở quy hoạch kiến trúc Hà Nội, chúng tôi đã có Biên bản làm việc ngày 29/9/2012 với Công ty A.L. Tại biên bản này, ông D.S đã thừa nhận việc vi phạm hợp đồng tư vấn và cam kết: trong thời gian 10 ngày (kể từ ngày 29/9/2012) sẽ hoàn trả Trường cao đẳng số tiền 10 tỷ đồng nhận cọc ngày 27/4/2012 và bồi thường thiệt hại 50% giá trị 10 tỷ đồng.

Tuy nhiên sau khi lập biên bản trên, Công ty A.L không thanh toán bất cứ khoản tiền nào cho Trường cao đẳng. Năm 2012, chúng tôi đã tố cáo ông Trần D.S đến Cơ quan điều tra Công an thành phố Hà Nội. Tại Thông báo số 1876TB/PC45(Đ10) ngày 26/9/2014, Quyết định số 239 QĐ/PC45-Đ10 ngày 26/9/2014 của Cơ quan cảnh sát điều tra công an thành phố Hà Nội đã trả lời chúng tôi là: hành vi của Trần D.S không đủ yếu tố cấu thành tội phạm, quyết định không khởi tố vụ án hình sự đối với việc tố cáo ông Trần D.S.

Đến ngày 15/02/2015, ông D.S mới chuyển trả số tiền 400 triệu đồng. Số tiền còn lại, đến nay Công ty A.L không trả cho Trường cao đẳng.

Nay Trường cao đẳng yêu cầu Công ty A.L phải thanh toán trả số tiền 14.600.000.000 đồng (Mười bốn tỷ sáu trăm triệu đồng). Trong đó 10 tỷ tiền gốc và 4.600.000.000đ tiền phạt do vi phạm hợp đồng. Chúng tôi không yêu cầu tính lãi chậm trả số tiền gốc.

2. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án cấp sơ thẩm đã gửi: thông báo thụ lý vụ án, thông báo đến Tòa án trình bày ý kiến, giao nộp tài liệu chứng cứ, nhưng Bị đơn là Công ty cổ phần A.L không hoạt động tại địa chỉ đăng ký doanh nghiệp, giám đốc Công ty chuyển địa chỉ nơi ở khác không thông báo cho nguyên đơn và cơ quan có thẩm quyền nên Tòa án không tổng đạt được trực tiếp các văn bản tố tụng cho đương sự. Các thông báo của Tòa án được thực hiện theo thủ tục niêm yết theo quy định của pháp luật và không có lời khai của bị đơn.

Tại phiên tòa: Nguyên đơn do ông Nguyễn Đ.Đ làm đại diện theo pháp luật trình bày: Ông đại diện cho Trường cao đẳng ký kết hợp đồng chuyển nhượng 10.000m² đất với công ty Anh Lạc, không phải ký kết hợp đồng tư vấn thực hiện dự án. Thực chất hợp đồng tư vấn số 01/2012/HĐTV ngày 27/4/2012 ký kết giữa Công ty A.L với Trường cao đẳng là hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng 10.000m² đất tại Ô đất C13, phường T, quận H. Công ty A.L là bên chuyển nhượng, Trường cao đẳng là bên nhận chuyển nhượng; giá chuyển nhượng là 3.000.000đ/m².

Ông Đ.Đ cũng thừa nhận do quá tin tưởng vào ông D.S nên ký hợp đồng tư vấn với Công ty A.L. Trước khi ký hợp đồng, ông được nhân viên Công ty A.L giới thiệu ô đất, chỉ cho ông xem thực trạng đất. Thời điểm đó, vị trí đất Công ty A.L giới thiệu cho ông không có bất cứ một công trình xây dựng nào. Phía Công ty A.L không đưa cho ông bất cứ một tài liệu giấy tờ pháp lý nào của ô đất mà hướng dẫn ông ký hợp đồng thuê đất với Hợp tác xã V.T để hợp thức hóa, làm thủ tục để thực hiện dự án. Chỉ đến khi nhận được văn bản cung cấp thông tin của Sở kế hoạch đầu tư, ông mới biết Ô đất mà Công ty A.L giới thiệu cho ông không thể chuyển dịch vì đã có quy hoạch của UBND thành phố Hà Nội từ năm 2005.

Nay ông đề nghị Công ty A.L phải trả Trường cao đẳng số tiền 10 tỷ đồng đã nhận và 05 tỷ đồng phạt vi phạm hợp đồng. Trường cao đẳng không yêu cầu tính lãi số tiền chậm trả. Ông Đ.Đ xác nhận Công ty A.L đã trả 400 triệu đồng.

Tại bản án KDTM sơ thẩm số 20/2021/KDTM-ST ngày 16/11/2021 Tòa án nhân dân quận Hai Bà Trưng đã quyết định:

[1] Tuyên bố Hợp đồng tư vấn số 01/2012/HĐTV ngày 27 tháng 4 năm 2012, về việc tư vấn đầu tư dự án, ký kết giữa Công ty cổ phần vận tải và bất động sản An Lạc với Trường Cao đẳng V.N vô hiệu do đối tượng hợp đồng ngay từ khi ký kết đã không thể thực hiện được.

[2] Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của Trường Cao đẳng V.N, về việc yêu cầu Công ty cổ phần A.L phải thanh toán trả số tiền tạm ứng đã nhận và phạt hợp đồng, theo Hợp đồng tư vấn số 01/2012/HĐTV ngày 27 tháng 4 năm 2012.

[2.1] Buộc Công ty cổ phần A.L phải trả Trường Cao đẳng V.N số tiền 10.000.000.000đ (Mười tỷ đồng).

Về khoản tiền lãi chậm trả: Trường cao đẳng không yêu cầu nên không xét.

[2.2] Buộc Công ty cổ phần A.L phải bồi thường cho Trường Cao đẳng V.N số tiền 400.000.000đ (Bốn trăm triệu đồng).

[2.3] Tổng số tiền Công ty cổ phần A.L phải trả Trường Cao đẳng V.N là 10.400.000.000đ (Mười tỷ bốn trăm triệu đồng).

[3] Bác yêu cầu của Trường Cao đẳng V.N về yêu cầu buộc Công ty cổ phần A.L phải thanh toán số tiền 05 tỷ đồng phạt vi phạm Hợp đồng tư vấn số 01/2012/HĐTV ngày 27 tháng 4 năm 2012.

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn quyết định về lãi suất chậm thi hành án, án phí và quyền kháng cáo của các đương sự.

Không đồng ý với bản án sơ thẩm, ngày 26/11/2021 Trường Cao đẳng V.N có đơn kháng cáo với lý do;

- Trường không được Tòa giải thích giao dịch dân sự giữa các bên là vô hiệu nên Trường chỉ yêu cầu Công ty A.L trả số tiền 15 tỷ đồng (gồm số tiền gốc là 10 tỷ và tiền phạt hợp đồng bằng 50% số tiền 10 tỷ đồng) và không yêu cầu tiền lãi.

- Hợp đồng không thực hiện được do lỗi của Công ty A.L nên Công ty phải bồi thường thiệt hại cho Trường theo quy định của pháp luật.

- Đề nghị Tòa án buộc Công ty A.L phải trả số tiền 10 tỷ đồng và lãi suất theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa phúc thẩm Công ty A.L có nộp bản giải trình như sau:

Sau khi ký hợp đồng tư vấn số 01/2012/HĐTV ngày 27/4/2012, Công ty A.L đã liên hệ với UBND phường T để xin giới thiệu địa điểm và chấp thuận đầu tư, ký hợp đồng với Công ty Địa chính Hà Nội để đo đạc hiện trạng khu đất tỷ lệ 1/500 để có văn bản lập dự án.

Ngày 1/7/2012 Công ty A.L và Trường Cao đẳng đã hoàn tất thủ tục với HTX Việt Trung về Hợp đồng thuê đất và bàn giao đất. Ông Đ.Đ đã ký Hợp đồng nhận thầu với HTX Việt Trung về việc nuôi thả cá và kết hợp mô hình VAC. Sau đó ông D.S đã nộp tiền thuê đất 248.000.000 đồng, nộp tiền san lấp và hạ tầng điện nước khi nhận mặt bằng 870.000.000 đồng cho ông Nguyễn Đình M là người đang nhận thầu của HTX Việt Trung và đầu tư công trình trên đất, tiền thuê Công ty đo đạc đất 60.000.000 đồng. Sau khi nhận mặt bằng, ông Đ.Đ đã thuê Công ty Bảo vệ trông coi khu đất được bàn giao.

Trước khi có văn bản của Sở Quy hoạch kiến trúc, Công ty A.L đã liên hệ và làm việc với các cơ quan chức năng như HTX Việt Trung, UBND phường T, UBND Thành phố Hà Nội đều trả lời việc xây dựng Trung tâm đào tạo phù hợp với Quy hoạch và đề nghị làm văn bản gửi các Sở ban ngành. Văn bản số 2756/AHKT-P2 ngày 18/9/2012 của Sở Quy hoạch kiến trúc có nội dung phù hợp với Quy hoạch (đất công cộng hỗn hợp), phù hợp với nội dung xây dựng trường. Theo công văn này, Sở Quy hoạch kiến trúc cho biết năm 2006,2007 có 02 đơn vị đề xuất dự án nhưng đã quá 12 tháng, 02 đơn vị này không triển khai coi như không còn hiệu lực. Ngày 29/9/2012 để thống nhất các văn bản gửi Sở ban ngành, Công ty A.L đã gặp Trường cao đẳng để làm việc nhưng khi đó ông Đ.Đ tuyên bố dừng dự án và bắt ép ông D.S ký trong thời hạn 10 ngày phải trả tiền đặt cọc và bồi thường trong khi dự án Công ty A.L đang thực hiện đúng tiến độ và đã chi phí các khoản tiền phát sinh để lập hồ sơ.

Án sơ thẩm căn cứ văn bản 2756 để xác định hợp đồng vô hiệu là không đúng. Theo quy hoạch ô đất trên phù hợp với việc xây dựng Trung tâm đào tạo và đến nay chưa có đơn vị nào đầu tư dự án. Đề nghị HĐXX căn cứ quy định của pháp luật để giải quyết đúng với bản chất sự việc.

Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của Trường Cao đẳng công nghệ Việt Nhật phát biểu:

- Toà án cấp sơ thẩm xác định Hợp đồng vô hiệu và nhận định lỗi của Công ty A.L theo khoản 2 điều 411 BLDS 2005 nhưng lại áp dụng khoản 1 điều này là có mâu thuẫn. Cấp sơ thẩm đã không xem xét nguyên nhân khách quan/chủ quan làm cho giao dịch bị vô hiệu và xác định bên nào là bên vi phạm (có lỗi). Bản chất của giao dịch là Hợp đồng dịch vụ giới thiệu địa điểm nên Trường Cao đẳng không yêu cầu một loại giấy tờ gì trước khi ký Hợp đồng. Do đó Trường Cao đẳng không có lỗi mà lỗi hoàn toàn thuộc về bị đơn do cố ý biết đối tượng Hợp đồng không thể thực hiện được nhưng vẫn thuyết phục để mặc Trường Cao đẳng ký Hợp đồng và tạm ứng tiền để chiếm đoạt.

- Khoản tiền phạt vi phạm Hợp đồng được ghi tại khoản 2 điều 5 của Hợp đồng tư vấn số 01 là một thoả thuận dân sự. Đây là thoả thuận đảm bảo việc thực hiện nghĩa vụ dân sự nên không bị vô hiệu theo quy định tại khoản 2 điều 407 BLDS 2015.

- Toà án cấp sơ thẩm không giải thích cho đương sự về quyền và nghĩa vụ của mình khi tuyên Hợp đồng vô hiệu nên Trường Cao đẳng không kịp bổ sung yêu cầu bồi thường thiệt hại ngoài Hợp đồng. Thực tế số tiền Trường Cao đẳng bị thiệt hại trên cơ sở lãi suất của số tiền ông D.S đã nhận 10 tỷ x 10 năm x lãi suất 9%/năm tính đến nay là 9 tỷ đồng.

- Chủ thể thực tế có nghĩa vụ bồi thường là cá nhân ông Trần D.S bởi khi nhận tiền ông D.S có nộp số tiền 10 tỷ đồng vào Công ty để kinh doanh hay không chưa được Toà án sơ thẩm làm rõ. Bản thân ông D.S đã thừa nhận số tiền này được chuyển vào tài khoản của ông thể hiện tại biên bản thoả thuận cam kết ngày 18/3/2018. Như vậy ông D.S thừa nhận số tiền đã được chuyển khoản vào Tài khoản của cá nhân, không phải tài khoản của cho Công ty A.L.

Đề nghị HĐXX buộc ông Trần D.S – Giám đốc Công ty A.L phải có trách nhiệm cá nhân trả các khoản tiền 10 tỷ đồng đã nhận của Trường Cao đẳng, 4,6 tỷ tiền phạt vi phạm và 9 tỷ bồi thường thiệt hại. Tổng cộng 23.600.000.000 đồng.

Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của Công ty cổ phần A.L phát biểu:

Tại cấp sơ thẩm, bị đơn không được tham gia nên không biết việc khởi kiện của nguyên đơn. Theo Hợp đồng số 01 các bên thoả thuận với nhau là hợp đồng tư vấn và nguyên đơn không yêu cầu tuyên bố Hợp đồng này là vô hiệu nhưng bản án sơ thẩm vẫn tuyên bố Hợp đồng vô hiệu và xử lý buộc bị đơn phải hoàn trả tiền đặt cọc và bồi thường thiệt hại 800 triệu đồng nhưng không xác định thiệt hại là gì. Bản án căn cứ điều 301 Luật Thương mại để xác định phạt vi phạm hợp đồng 8% (bằng 800 triệu đồng) để tính thiệt hại là không đúng. Luật thương mại không thuộc đối tượng điều chỉnh trong vụ án này. Cấp sơ thẩm đã nhầm lẫn khái niệm bồi thường thiệt hại và phạt vi phạm hợp đồng.

Án sơ thẩm xác định Hợp đồng vô hiệu nhưng không xem xét thời hiệu tuyên bố giao dịch vô hiệu có còn thời hiệu hay không và không áp dụng hợp đồng vô hiệu quy định tại điều nào (từ điều 122 – 129) của BLDS 2015. Việc áp dụng khoản 2 điều 411 BLDS 2015 là điều luật quy định quyền hoãn thực hiện nghĩa vụ trong Hợp đồng song vụ, không có từ nào quy định về Hợp đồng vô hiệu. Án sơ thẩm áp dụng điều 411 là không đúng.

Ông Đ.Đ đã ký hợp đồng nhậu thầu nuôi thả cá và kết hợp mô hình VAC tại khu Đàm Mo với HTX Việt Trung. Do đó phải đưa HTX Việt Trung tham gia tố tụng mới đảm bảo giải quyết vụ án.

Đề nghị HĐXX hủy bản án sơ thẩm với những sai sót đã nêu ở trên.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hà Nội phát biểu quan điểm:

Về thủ tục tố tụng: Toà án nhân dân Thành phố Hà Nội tiến hành thụ lý và giải quyết vụ án đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của thẩm phán, HĐXX và việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn đúng qui định Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đơn kháng cáo của nguyên đơn trong thời hạn và hợp lệ.

Về nội dung: Trên cơ sở văn bản trả lời của Sở Quy hoạch kiến trúc thì khu đất các bên đang đề nghị xin lập dự án đã có quy hoạch cho đơn vị khác đầu tư. Do đó Hợp đồng bị vô hiệu ngay từ khi ký do đối tượng không thể thực hiện được. Án sơ thẩm tuyên bố Hợp đồng số 01 vô hiệu là có căn cứ theo quy định tại điều 411 BLDS 2005.

Về xử lý hậu quả Hợp đồng vô hiệu: Theo lệnh chi và phiếu thu của bị đơn đã nhận 10 tỷ đồng do nguyên đơn chuyển để thực hiện Hợp đồng. Sau đó do nguyên đơn chấm dứt Hợp đồng và buộc bị đơn trả số tiền đã nhận. Ngày 12/5/2015 bị đơn trả nguyên đơn 400 triệu đồng.

Về yêu cầu phạt Hợp đồng: Do Hợp đồng vô hiệu nên không có căn cứ chấp nhận phạt vi phạm Hợp đồng.

Về việc xác định lỗi: Ông D.S cam kết với ông Đ.Đ thực hiện các thủ tục xin phép đầu tư nhưng ông Đ.Đ không kiểm tra tính pháp lý của ô đất Trường Cao đẳng có được đầu tư hay không. Do đó nguyên đơn có lỗi một phần.

Án sơ thẩm yêu cầu bị đơn bồi thường thiệt hại trên cơ sở mức phạt vi phạm 8% theo Luật Thương mại là không đúng.

Đề nghị HĐXX áp dụng điều 293, 308, 309 Bộ luật tố tụng dân sự: Sửa bản án sơ thẩm. Không chấp nhận phạt hợp đồng như nguyên đơn đề nghị. Án phí giải quyết theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được kiểm tra, xem xét tại phiên tòa, kết quả việc tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của kiểm sát viên, các quy định của pháp luật, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về việc xác định tư cách người tham gia tố tụng: Theo hồ sơ khởi kiện. các bên tranh chấp Hợp đồng tư vấn số 01/2012/HĐTV ngày 27/4/2012 ký giữa Trường Cao đẳng V.N và Công ty cổ phần A.L về việc đầu tư ô đất tại Đàm Mo. Trong quá trình thực hiện các thủ tục, Trường Cao đẳng có ký Hợp đồng với HTX Việt Trung thuê thầu để sản xuất nuôi ao thả cá và kết hợp mô hình VAC. Việc tranh chấp ở đây không liên quan đến việc khoán thầu mà tranh chấp về thực hiện xin lập dự án xây dựng cơ sở đào tạo của Trường Cao đẳng mà Trường và Công ty A.L thỏa thuận. Do đó HTX Việt Trung không liên quan đến tranh chấp của các đương sự trong vụ án này. Vì vậy Tòa án không xác định HTX Việt Trung là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan. Ý kiến của Luật sư bị đơn đề nghị phải đưa HTX Việt Trung tham gia tố tụng không được HĐXX chấp nhận.

[2]. Đối với thủ tục tổng đạt:

Công ty cổ phần A.L theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty có trụ sở tại Phòng 305 ngõ 230 số 48 tổ 24 phố L, phường G, quận Hai Bà Trưng, Hà Nội. Người đại diện theo pháp luật là ông Trần D.S – giám đốc có Hộ khẩu thường trú và chỗ ở ghi trong Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp: Phòng 1003 tầng 10 nhà 8C Đường Đ, phường B, quận Hai Bà Trưng, Hà Nội.

Tại biên bản xác minh ngày 16/10/2020 Công an phường G cung cấp tại địa chỉ đăng ký doanh nghiệp: Phòng 305 ngõ 230 số 48 tổ 24 phố L, phường G, quận Hai Bà Trưng, Hà Nội **không có Công ty cổ phần A.L hoạt động.**

Biên bản xác minh ngày 13/11/2020 tổ trưởng tổ dân phố số 12 phường Bách Khoa cho biết: Hiện nay tại địa chỉ cư trú của ông D.S: Phòng 1003 tầng 10 nhà 8C

Đường Đ, phường B, quận Hai Bà Trưng, Hà Nội, ông D.S đã bán nhà từ mấy năm trước và không còn sinh sống tại đây.

Theo quy định tại điều 177 và 178 Bộ luật tố tụng dân sự: Thủ tục cấp, tổng đạt, thông báo cho cơ quan, tổ chức: *văn bản tố tụng phải được giao trực tiếp cho người đại diện theo pháp luật hoặc người chịu trách nhiệm nhận văn bản của cơ quan tổ chức đó....Nếu họ từ chối nhận văn bản tố tụng hoặc vắng mặt ở nơi cư trú không rõ thời điểm trở về hoặc không rõ địa chỉ nơi cư trú mới của họ thì phải lập biên bản...đồng thời thực hiện thủ tục niêm yết công khai văn bản cần tổng đạt theo quy định tại điều 179 Bộ luật này.*

Như vậy Bộ Luật tố tụng dân sự quy định tổng đạt văn bản cho doanh nghiệp thì phải giao trực tiếp cho người đại diện theo pháp luật hoặc do người chịu trách nhiệm của doanh nghiệp nhận. Ở đây Công ty A.L không còn hoạt động tại địa chỉ theo Đăng ký doanh nghiệp nên việc tổng đạt ngoài việc giao văn bản tại địa chỉ đăng ký doanh nghiệp thì còn phải thực hiện giao văn bản cho người đại diện theo pháp luật tại địa chỉ cư trú mới đảm bảo quy định. Theo hồ sơ thể hiện Toà án quận Hai Bà Trưng khi tổng đạt quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên toà cho Công ty A.L mới chỉ tổng đạt (niêm yết) tại địa chỉ đăng ký trụ sở doanh nghiệp, còn không tổng đạt (niêm yết) tại địa chỉ của người đại diện theo pháp luật là thiếu sót, cần rút kinh nghiệm nhưng không ảnh hưởng đến quyền tham gia tố tụng của đương sự bởi ở đây cũng chỉ xác định thực hiện bằng thủ tục niêm yết. Tuy nhiên qua xác minh tại cấp phúc thẩm ngày 27/01/2022 (sau ngày xét xử sơ thẩm) Công ty A.L đã đăng ký thay đổi địa chỉ hoạt động và được Phòng đăng ký Kinh doanh – Sở kế hoạch đầu tư Thành phố Hà Nội cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần thứ 03- địa chỉ trụ sở tại số 22 ngách 150 ngõ X, phường N, quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội. Toà án cấp phúc thẩm đã tổng đạt trực tiếp cho Công ty A.L tại địa chỉ theo đăng ký mới số 22 ngách 150 ngõ X, phường N, quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội có lúc ông D.S ký nhận, có lúc phải niêm yết do không có người nhận nên việc tổng đạt trực tiếp cũng không thuận lợi. Tại phiên toà Công ty A.L đã uỷ quyền cho ông Nguyễn T.D tham gia tố tụng. Việc Công ty A.L trình bày không nhận được thông báo của Toà án và không được tham gia tố tụng tại cấp sơ thẩm nhưng như đã phân tích trên Công ty Lạc thay đổi địa chỉ kinh doanh, thay đổi nơi ở của người đại diện theo pháp luật không thông báo chính quyền địa phương và nguyên đơn không biết nơi ở mới của ông D.S. Do vậy bị đơn được coi là cố tình dấu địa chỉ nên phải chịu hậu quả về việc không cung cấp thông tin. Toà án cấp sơ thẩm xét xử vắng mặt bị đơn là đúng quy định.

[2]. Xét kháng cáo của Trường Cao đẳng V.N – HĐXX thấy rằng:

Theo đơn khởi kiện của Trường cao đẳng đề nghị Công ty A.L phải trả số tiền đã nhận 10 tỷ đồng và tiền phạt bằng 50% số tiền 10 tỷ đồng mà Công ty A.L đã nhận của Trường cao đẳng được quy định tại điều 5 của hợp đồng số 01/2012/HĐTV. Trong đơn khởi kiện, Nguyên đơn không đề nghị tuyên bố Hợp đồng vô hiệu.

[2.1]. Tại phiên toà phúc thẩm luật sư của bị đơn cho rằng việc tuyên bố Hợp đồng vô hiệu phải áp dụng thời hiệu theo quy định của Bộ luật dân sự là 02 năm theo quy định tại điều 132 BLDS 2015, đến ngày nguyên đơn khởi kiện là hết thời hiệu. HĐXX thấy rằng: Việc áp dụng thời hiệu tại khoản 2 điều 184 BLTTDS năm 2015

quy định: *“Toà án chỉ áp dụng quy định về thời hiệu theo yêu cầu áp dụng thời hiệu của một bên hoặc các bên với điều kiện yêu cầu này phải được đưa ra trước khi Toà án cấp sơ thẩm ra bản án, quyết định giải quyết vụ việc. Người được hưởng lợi từ việc áp dụng thời hiệu có quyền từ chối áp dụng thời hiệu, trừ trường hợp việc từ chối đó nhằm mục đích trốn tránh thực hiện nghĩa vụ”*.

Như trên đã phân tích bị đơn cố tình dấu địa chỉ nên không biết các thủ tục tố tụng mà Toà án cấp sơ thẩm tổng đạt là từ bỏ quyền, nghĩa vụ của mình. Mặt khác bị đơn đến nay có yêu cầu áp dụng thời hiệu, tài liệu trong hồ sơ thể hiện bị đơn có nhiều văn bản cam kết trả tiền cho nguyên đơn tại các biên bản ngày 29/9/2012, 18/3/2018 nhưng không thực hiện. Do đó việc bị đơn đề nghị áp dụng thời hiệu có cơ sở xác định *nhằm mục đích trốn tránh thực hiện nghĩa vụ* nên căn cứ khoản 2 điều 184 BLTTDS thời hiệu yêu cầu tuyên bố Hợp đồng vô hiệu trong trường hợp này không bị hạn chế.

[2.2]. Xét Hợp đồng số 01/2012/HĐTV ngày 27/4/2012, các bên thoả thuận Công ty A.L chịu trách nhiệm xin các thủ tục pháp lý của khu đất tại ô C13 đường Trần Phú, quận H, Hà Nội để Trường Cao đẳng được thuê đất với cơ quan Nhà nước. Trường Cao đẳng đã chuyển cho Công ty A.L 10 tỷ đồng (đợt 1) để bị đơn thực hiện các thủ tục theo giai đoạn đã thoả thuận trong hợp đồng. Tuy nhiên ô đất này đã được UBND thành phố Hà Nội phê duyệt quy hoạch từ năm 2005 chấp thuận cho Công ty Tư vấn đầu tư xây dựng Thái Hồng làm Văn phòng giao dịch và giới thiệu sản phẩm và Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng đô thị Hà Nội làm trụ sở làm việc. Như vậy ô đất Trường Cao đẳng xin lập dự án làm cơ sở 2 không thể thực hiện được nên bị vô hiệu ngay từ khi ký hợp đồng theo quy định tại điều 411 BLDS 2005. Án sơ thẩm tuyên bố Hợp đồng số 01/2012/HĐTV bị vô hiệu là có căn cứ. Luật sư của bị đơn cho rằng Toà án sơ thẩm áp dụng điều 411 là không đúng bởi điều luật này quy định về hợp đồng song vụ. Ở đây luật sư đã nhầm lẫn điều 411 của BLDS 2015 trong khi Toà án cấp sơ thẩm áp dụng điều 411 BLDS 2005.

[2.3]. Về giải quyết hậu quả hợp đồng vô hiệu: Theo quy định tại Khoản 2 điều 137 BLDS 2005: *“Khi giao dịch dân sự vô hiệu thì các bên khôi phục lại tình trạng ban đầu, hoàn trả cho nhau những gì đã nhận...Bên có lỗi gây thiệt hại phải bồi thường”*. Trong quá trình giải quyết vụ án, cấp sơ thẩm khi xác định Hợp đồng số 01/2012/HĐTV vô hiệu nhưng không lập biên bản giải thích hậu quả giao dịch dân sự vô hiệu nhưng lại xác định hậu quả chính là Thiệt hại bằng 8% mức phạt vi phạm hợp đồng (theo Luật thương mại) và quyết định về bồi thường thiệt hại khi nguyên đơn không có yêu cầu và buộc bị đơn phải trả số tiền này là không đúng. Bởi việc xem xét và quyết định của Toà án phải tuân theo nguyên tắc quy định tại khoản 1 Điều 5 BLTTDS là Quyền quyết định và tự định đoạt của đương sự.

Theo trình bày của nguyên đơn: Trường Cao đẳng không được giải thích về hậu quả hợp đồng vô hiệu nên Trường không yêu cầu bồi thường thiệt hại. Tuy nhiên tại đơn kháng cáo, Trường Cao đẳng đã nêu ý kiến vì không được giải thích nên Trường không yêu cầu bồi thường thiệt hại và nay Trường đề nghị Toà án xem xét thiệt hại cho nguyên đơn. Do đó việc xác định thiệt hại được HĐXX chấp nhận xem xét tại cấp phúc thẩm bởi đây là do lỗi của Toà án cấp sơ thẩm. Toà án Cấp sơ thẩm cần nghiêm túc rút kinh nghiệm về vấn đề này.

Khoản 2 điều 411 BLDS 2005 quy định: *Trong trường hợp khi giao kết Hợp đồng mà một bên biết hoặc phải biết về việc Hợp đồng có đối tượng không thể thực hiện được nhưng không thông báo cho bên kia nên bên kia đã giao kết Hợp đồng thì phải bồi thường thiệt hại cho bên kia, trừ trường hợp bên kia biết hoặc phải biết về việc Hợp đồng có đối tượng không thể thực hiện được.*

Khi tham gia giao dịch liên quan đến Quyền sử dụng đất, Công ty A.L phải chịu trách nhiệm về tính pháp lý của ô đất có được thực hiện làm cơ sở đào tạo hay không. Khi chưa tìm hiểu rõ tính pháp lý của ô đất, Công ty A.L đã nhận tiền của Trường cao đẳng nên phải chịu trách nhiệm bồi thường thiệt hại. Khi xem xét thiệt hại ở đây phải xác định là khoản tiền lãi/số tiền nguyên đơn đã giao cho bị đơn. Theo mức lãi suất nguyên đơn đề nghị áp dụng là lãi suất cơ bản của Ngân hàng nhà nước từ năm 2010 đến nay là 9%/năm. Mức lãi suất này phù hợp với quy định tại khoản 2 điều 305 BLDS 2005 được chấp nhận. Ngày 29/9/2012 các bên đã có biên bản làm việc theo đó *bị đơn đồng ý trong thời gian 10 ngày kể từ ngày 29/9/2012 bị đơn có trách nhiệm chuyển vào tài khoản của nguyên đơn số tiền 10 tỷ đồng và bồi thường thiệt hạinhư khoản 2 điều 5 của Hợp đồng số 01.* Như vậy tính từ ngày 10/10/2012 bị đơn phải thực hiện trả số tiền đã cam kết nhưng không thực hiện. Do đó số tiền này được tính lãi suất đến ngày xét xử sơ thẩm 16/11/2021 (9 năm 38 ngày x 9%/năm x 10 tỷ) bằng **8.193.698.630 đồng.**

Về xác định lỗi: Nguyên đơn trình bày do tin tưởng ông D.S nên không yêu cầu bất cứ giấy tờ gì trước khi ký Hợp đồng. Đây là lỗi của nguyên đơn không tìm hiểu kỹ về ô đất xem đất có đủ điều kiện giao dịch hay không, đất có được chuyển nhượng, cho thuê, cho thuê lại, cấp GCNQSD đất....hoặc nằm trong quy hoạch hay không để làm cơ sở lập dự án đào tạo. Nguyên đơn cũng đã biết thông tin ô đất trên bản đồ quy hoạch tỷ lệ 1/2000 địa bàn Quận H đã được nêu tại trang 1 của Hợp đồng số 01 nhưng lại không cân nhắc, tìm hiểu chi tiết ô đất Trường đề nghị lập dự án đã quy hoạch cụ thể như thế nào mà cho rằng lỗi hoàn toàn thuộc về bị đơn là không có cơ sở. HĐXX xác định lỗi của Trường cao đẳng = 30%. Lỗi của Công ty A.L = 70% do không phải tài sản của Công ty nhưng lại thoả thuận với Trường Cao đẳng đứng ra thuê đất trong khi bị đơn buộc phải biết ô đất có được phép thực hiện các giao dịch này hay không.

[3]. Xét yêu cầu phạt vi phạm Hợp đồng: Theo ý kiến nguyên đơn và luật sư trình bày thoả thuận phạt vi phạm được quy định tại khoản 2 điều 5 Hợp đồng số 01/2012/HĐTV bằng 50% tương đương số tiền mà bên B nhận tạm ứng của bên A là 05 tỷ đồng. Đây là thoả thuận tại điều khoản cố định trong Hợp đồng là thoả thuận dân sự đảm bảo thực hiện nghĩa vụ nên không bị vô hiệu. Vì vậy ông D.S phải trả số tiền này cho nguyên đơn.

HĐXX thấy rằng: Theo quy định tại khoản 1 điều 137 BLDS 2005 *Giao dịch dân sự vô hiệu không làm phát sinh, thay đổi, chấm dứt quyền, nghĩa vụ dân sự của các bên kể từ thời điểm xác lập.* Như vậy Hợp đồng số 01 được xác định là vô hiệu nên các thoả thuận trong hợp đồng không có giá trị ràng buộc (trừ các thoả thuận về biện pháp bảo đảm). Khoản 2 điều 5 của Hợp đồng số 01 không phải là biện pháp bảo đảm nên không có cơ sở chấp nhận khoản tiền phạt vi phạm Hợp đồng (bằng 05 tỷ trừ 400 triệu

đồng ông D.S trả ngày 15/2/2015 còn 4,6 tỷ đồng) như kháng cáo của nguyên đơn và luật sư đề nghị.

[4]. Về chủ thể bồi thường: Hợp đồng số 01 được ký kết giữa Trường Cao đẳng V.N và Công ty cổ phần A.L. Đây là 02 doanh nghiệp có tư cách pháp nhân do người đại diện theo pháp luật ký, các bên giao dịch không ký hợp đồng với tư cách cá nhân. Tại Lệnh chi ngày 27/4/2012 Trường Cao đẳng đã chuyển 10 tỷ đồng cho Công ty A.L vào tài khoản số 051012554405 tại Ngân hàng TMCP Nhà Hà Nội. Tại trang 1 của Hợp đồng tư vấn số 01 ghi rõ bên B là Công ty cổ phần A.L, số tài khoản 051012554405 tại Ngân hàng TMCP Nhà Hà Nội. Trên cơ sở đó Trường Cao đẳng đã chuyển tiền vào chính số Tài khoản này. Tại phiếu thu ngày 27/4/2012 ông Trần D.S với tư cách giám đốc Công ty (có đóng dấu Công ty A.L trên chữ ký của ông D.S) đã ký nhận số tiền 10 tỷ đồng của Trường Cao đẳng. Như vậy số tiền này ông D.S nhận với tư cách của pháp nhân. Việc ông D.S có ghi tại bản thoả thuận cam kết ngày 18/3/2018 là số tiền ghi trong Hợp đồng đã chuyển vào Tài khoản của tôi (theo Hợp đồng đã ký). Đối chiếu Hợp đồng không có dòng nào ghi số Tài khoản này này là Tài khoản cá nhân nên việc ông D.S ghi là Tài khoản của tôi cũng không được xác định ông D.S nhận tiền với tư cách cá nhân. Mặt khác theo đơn khởi kiện Trường Cao đẳng đề nghị Công ty A.L phải trả tiền đã nhận, không khởi kiện cá nhân ông D.S phải liên đới cùng Công ty A.L trả tiền. Do đó tại phiên toà phúc thẩm luật sư nguyên đơn đề nghị ông D.S cùng Công ty A.L trả tiền cho Trường Cao đẳng là vượt quá phạm vi khởi kiện ban đầu nên không được chấp nhận.

Từ những phân tích nêu trên, thấy rằng số tiền thiệt hại Trường Cao đẳng phải chịu 30% là 2.458.109.589 đồng. Công ty A.L phải chịu 70% là 5.735.589.041 đồng được trừ vào số tiền 400.000.000 đồng Công ty A.L đã thanh toán cho nguyên đơn ngày 15/2/2015. Như vậy số tiền thiệt hại Công ty A.L còn phải bồi thường là 5.335.589.041 đồng. Do đó HĐXX phúc thẩm sửa án sơ thẩm về xác định nghĩa vụ bồi thường thiệt hại của bị đơn.

Do kháng cáo của Trường Cao đẳng được chấp nhận một phần nên người kháng cáo không phải chịu án phí phúc thẩm. Đối với án phí sơ thẩm về yêu cầu phạt vi phạm không được chấp nhận nên Trường Cao đẳng phải chịu án phí đối với số tiền này.

Từ những nhận định trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 điều 30, 184, 296, 308 Bộ luật tố tụng dân sự 2015

Căn cứ điều 137, 305, 411 Bộ luật dân sự 2005; điều 468 BLDS 2015

Căn cứ điều 26, 29 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội;

Xử: Chấp nhận một phần yêu cầu kháng cáo của Trường Cao đẳng V.N.

Sửa bản án KDTM sơ thẩm số 20/2021/KDTM-ST ngày 16/11/2021 của Toà án nhân dân quận Hai Bà Trưng.

1. Tuyên bố Hợp đồng tư vấn số 01/2012/HĐTV ngày 27 tháng 4 năm 2012, về việc tư vấn đầu tư dự án, giữa Công ty cổ phần A.L với Trường Cao đẳng V.N vô hiệu.

2. Buộc Công ty cổ phần A.L phải trả số tiền đã nhận 10.000.000.000 đồng và 5.335.589.041 đồng tiền bồi thường thiệt hại cho Trường Cao đẳng V.N. Tổng cộng: Công ty cổ phần A.L phải trả Trường Cao đẳng V.N 15.335.589.041 đồng.

3. Bác yêu cầu của Trường Cao đẳng V.N buộc Công ty cổ phần A.L phải thanh toán số tiền 4.600.000.000 đồng phạt vi phạm Hợp đồng tư vấn số 01/2012/HĐTV ngày 27 tháng 4 năm 2012.

4. Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật hoặc kể từ ngày có đơn thi hành án, Công ty cổ phần A.L phải chịu lãi suất đối với số tiền phải thi hành theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 điều 468 BLDS tương ứng với thời gian chậm trả cho đến khi thanh toán xong.

5. Về án phí: Công ty cổ phần A.L phải chịu 123.335.589 đồng án phí KDTM sơ thẩm.

Trường Cao đẳng V.N phải chịu 112.600.000 đồng án phí KDTM sơ thẩm và không phải chịu án phí KDTM phúc thẩm. Được trừ vào số tiền 61.000.000 đồng đã nộp theo biên lai số AA/2019/0003521 ngày 8/10/2020 và 2.000.000 đồng theo biên lai số AA/2020/0012035 ngày 01/12/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Hai Bà Trưng. Trường Cao đẳng V.N còn phải nộp 49.600.000 đồng.

Trường hợp bản án được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các điều 6, 7, và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có Hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND Thành phố Hà Nội;
- Cục THADS TP Hà Nội
- TAND quận Hai Bà Trưng;
- VKSND quận Hai Bà Trưng;
- Chi cục THADS quận Hai Bà Trưng;
- Các đương sự;
- Lưu HS, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Thuý Linh